

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 353/2019/TLST – HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2019 về việc Ly hôn giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1991

Địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Q, sinh năm 1991

Địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nông Hà Thái – Phó giám đốc

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 BLDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Nguyễn Đức Q.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Đức Q nhất trí thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Hai bên thống nhất giao con chung Nguyễn Thị A, sinh ngày 10/4/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Không có.

Về nợ chung: Các đương sự đều xác định có nợ Ngân hàng CSXH huyện Đại Từ số tiền là 50.000.000đ thời gian vay là 03 năm kể từ tháng 6/2017 đến tháng 6/2020 phải trả. Các đương sự thống nhất thỏa thuận anh Q có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng CSXH huyện Đại Từ số tiền 50.000.000đ tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng khi đến hạn hoặc trước hạn.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lại đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

- **Về án phí:** Chị L tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí LHST sung công quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013026, ngày 14/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ. Số tiền 150.000đ còn lại theo biên lai hoàn trả chị L.

Anh Q tự nguyện chịu 1.250.000đ án phí DSST sung công quỹ Nhà nước.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi gửi

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- Tòa án tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

VŨ DUY CHINH